FireAnt

CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (HSX: SBG)

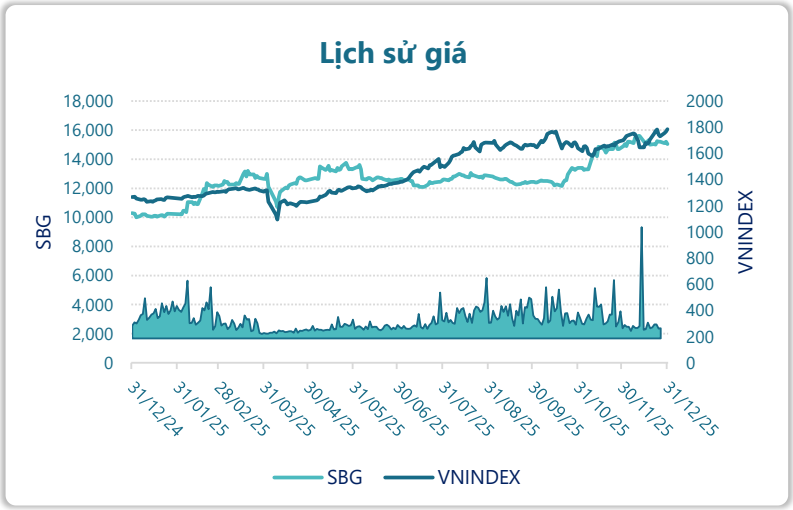

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
SL cổ phiếu LH	49,999,963
KLGD BQ 20 phiên (CP)	413,055
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	752
P/E	19.6
EPS	768

DT thuần

Q4/25

293

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 62.0| 26.9%

YoY: ▼493| -62.7%

LN sau thuế

Q4/25

18.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.5| 334%

YoY: ▲ 5.50| 41.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.0%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

2025

1,618

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,529| -48.6%

LN sau thuế

2025

38.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.00| -11.4%

ROE

2025

6.4%

+/- YoY: ▼ 2.2%

Kết quả kinh doanh

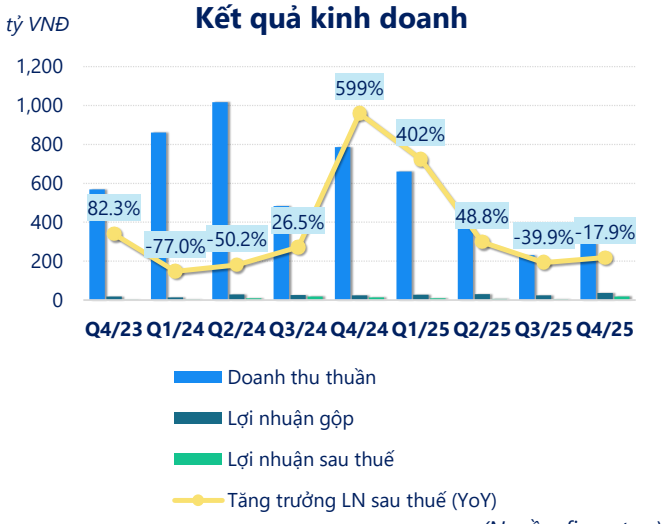

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

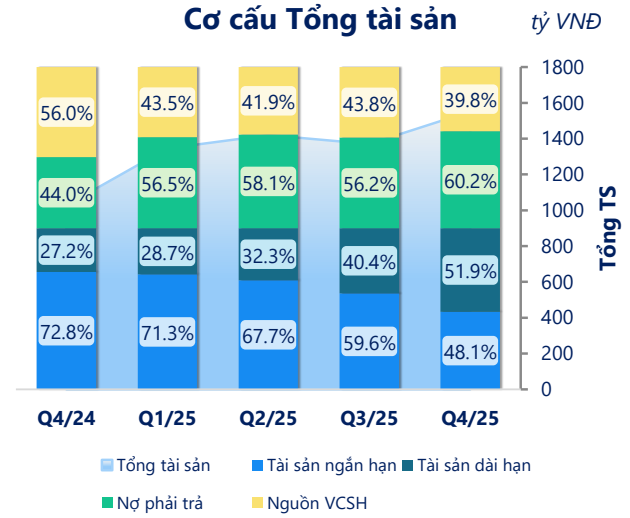

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

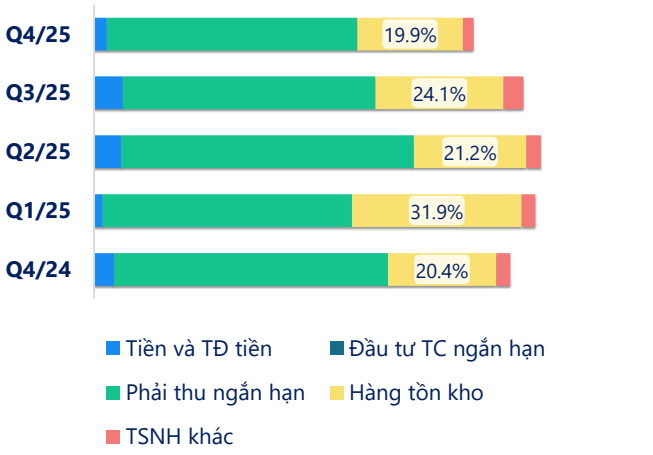

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

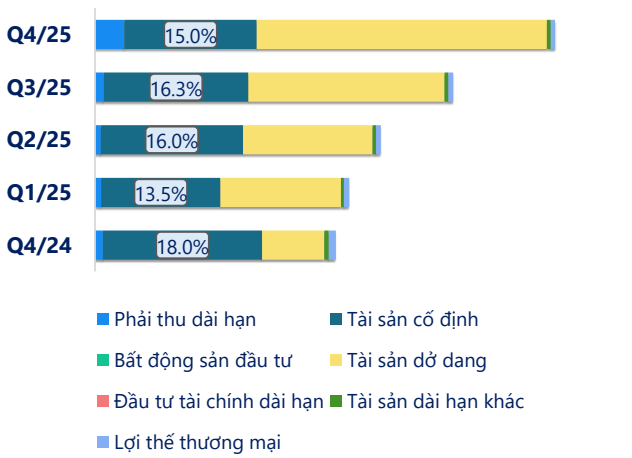

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

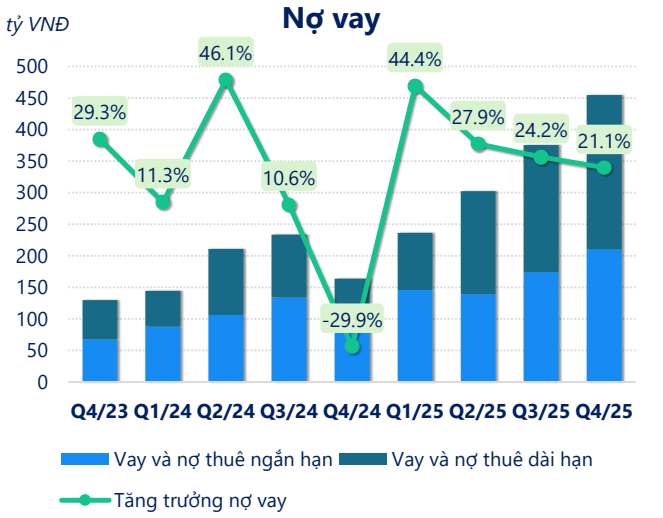

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

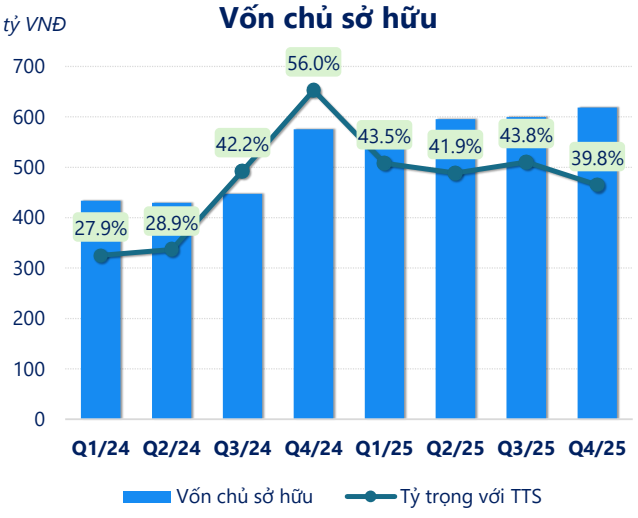

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

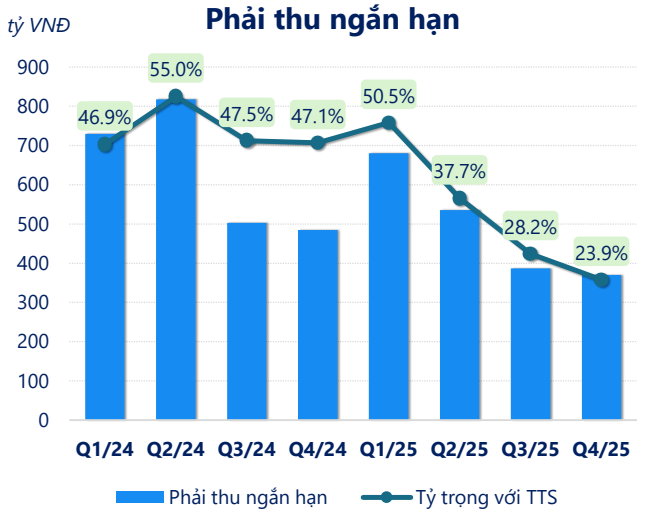

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

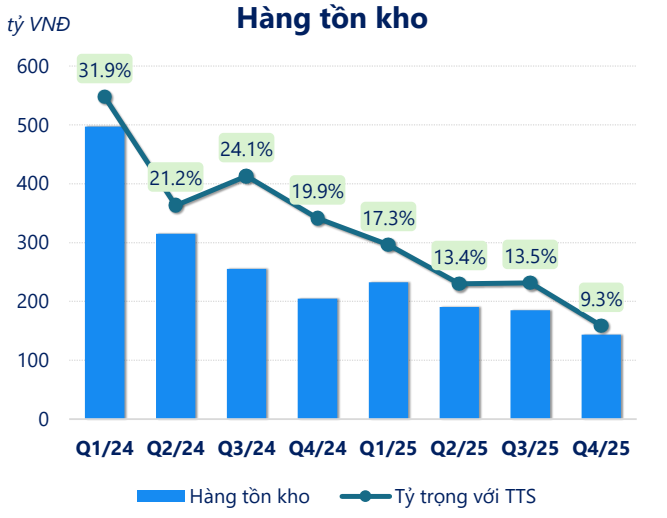

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

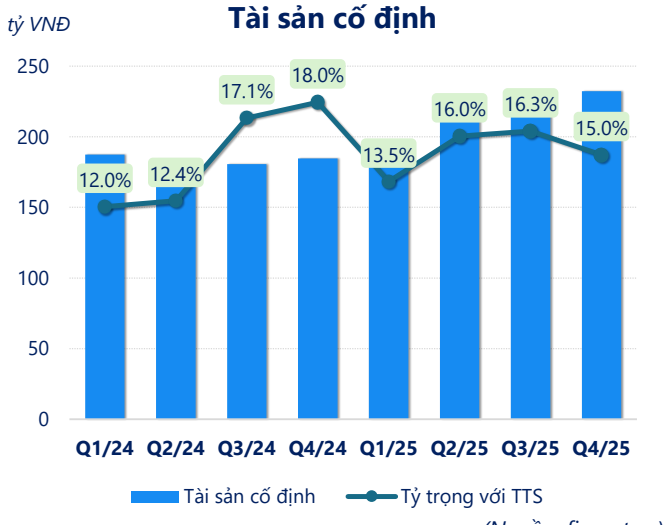

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

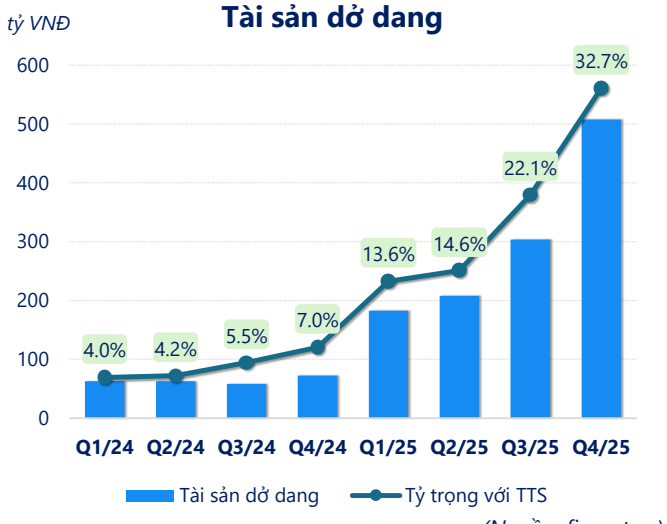

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

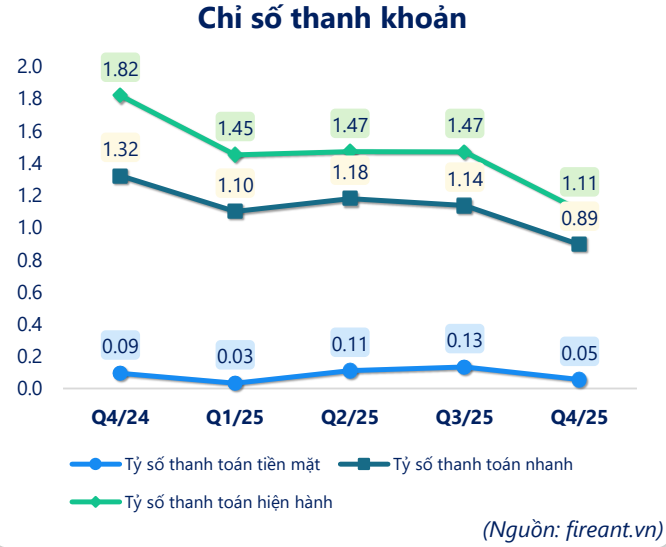

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

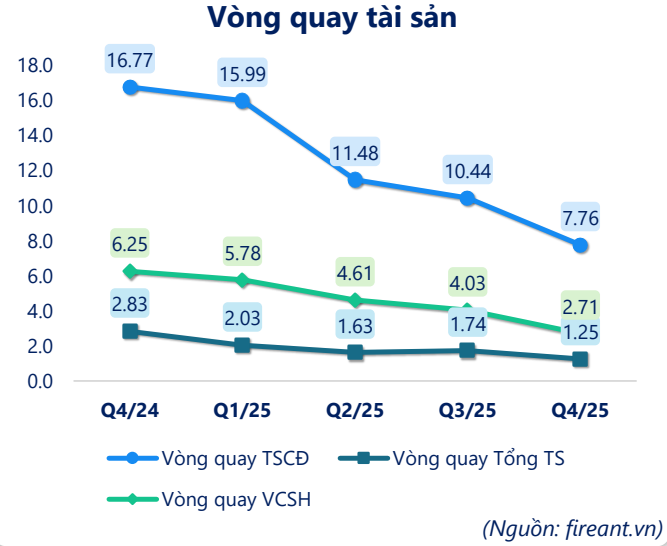

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,028**	**1,345**	**1,421**	**1,370**	**1,552**
Tài sản ngắn hạn	**749**	**959**	**962**	**816**	**747**
Tiền và tương đương tiền	38.6	21.7	72.5	74.2	36.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	134	136	155
Phải thu ngắn hạn	484	680	536	387	370
Hàng tồn kho	205	232	190	185	144
Tài sản ngắn hạn khác	20.8	25.1	29.2	33.4	40.6
Tài sản dài hạn	**280**	**386**	**458**	**554**	**805**
Phải thu dài hạn	9.30	9.30	9.41	13.6	51.2
Tài sản cố định	185	181	228	223	232
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	72.3	183	208	303	508
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.04	4.86	5.70	5.91	7.16
Lợi thế thương mại	8.44	8.10	7.74	7.39	7.04
Nợ phải trả	**453**	**760**	**825**	**770**	**934**
Nợ ngắn hạn	**412**	**661**	**654**	**555**	**674**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	122	146	139	174	210
Phải trả người bán ngắn hạn	175	423	384	219	358
Nợ dài hạn	41.3	98.3	171	215	259
Vay và nợ thuê dài hạn	41.3	90.6	163	201	244
Nguồn vốn chủ sở hữu	**575**	**586**	**595**	**600**	**618**
Vốn chủ sở hữu	**575**	**586**	**595**	**600**	**618**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)